

CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN NHỮNG CHỨNG CỨ LỊCH SỬ - PHÁP LÝ VỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HOÀNG SA-TRƯỜNG SA

PHAN HUY LÊ*

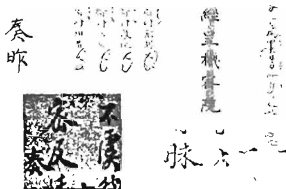
I. Châu bản triều Nguyễn, một kho tư liệu lịch sử vô giá

Châu bản triều Nguyễn, đúng như tên gọi của nó, là những văn thư trình lên nhà vua phê duyệt, mang dấu “ngự phê”, “ngự lãm” bằng màu son đỏ của hoàng đế và đóng ấn tín của hoàng đế cùng các cơ quan của triều đình nhà Nguyễn. Dấu ấn “ngự phê”, “ngự lãm” gồm nhiều loại hình khác nhau từ “Châu phê” có thể bằng một đoạn văn hay vài ba từ ngắn gọn như “Tri đạo liễu” (Biết cho), “Y tấu” (Y theo lời tâu), “Hảo” (Biết cho), đến “Châu khuyên” là vòng son đỏ điểm lên tên người hay sự việc mà nhà vua lựa chọn, “Châu điểm” là chấm son đỏ chấm lên đầu văn bản mà nhà vua chấp thuận, “Châu mặt” là nét son quệt lên tên người hay sự việc không được nhà vua chấp thuận, “Châu cãi”, “Châu sổ” là nét son gạch sổ lên những chỗ biểu thị sự phủ nhận hay cần chữa lại.

Tất cả những văn bản này do một cơ quan giữ vai trò như Văn phòng của hoàng đế đảm nhiệm. Thời Gia Long (1802-1819) lúc đầu do Thị

thư viện, Thị hàn viện, Nội hàn viện chuyên trách, sang thời Minh Mệnh (1820-1840) đổi thành Văn thư phòng rồi năm 1829 chuyển cho Nội các với chức năng “giữ sổ sách và châu hầu tả hữu” (1). Trải qua triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị (1841-1847) tổ chức của Nội các với các cơ quan chuyên trách và số lượng quan chức, nhân viên có nhiều thay đổi theo hướng qui định chặt chẽ nhiệm vụ văn thư và lưu trữ của triều đình. Năm 1847, vua Thiệu Trị xác định Nội các “châu hầu nơi cung cấm, phụng thừa sắc chỉ, tiếp nhận sớ tấu, tuân thừa châu phê, chức vụ rất là quan trọng” (2). Tất cả nguyên tắc, qui trình

Hình 1: Các loại châu phè, châu khuyên, châu điểm, châu mat, châu số, châu cái (ảnh: Trung tâm lưu trữ Quốc gia I)



* GS, Đại học Quốc gia Hà Nội

tiếp nhận văn thư, chuẩn bị trình lên hoàng đế phê duyệt, đóng ấn triện, rồi phụng sao chuyển giao cho các cơ quan thực thi và bảo quản văn thư được qui định rất quy củ, chặt chẽ. Nội các có trách nhiệm bảo quản các văn bản gốc với đầy đủ dấu “Ngự phê” và các loại ấn triện, tàng trữ tại tòa Đông các sau nhà Tả vu của điện Cẩn chánh trong Cấm thành. Trong thời Pháp thuộc, Nam triều mất dần các quyền lực và năm 1933, vua Bảo Đại bỏ Nội các, lập một văn phòng mang tên Ngự tiền văn phòng.

Trong 143 năm tồn tại (1802-1945) kho tàng Châu bản triều Nguyễn hẳn rất đồ sộ. Nhưng rất tiếc là qua những biến cố lịch sử, qua chiến tranh và những tác động của thời gian, khí hậu, khối lượng Châu bản bị mất mát, hư hỏng khá nhiều. Năm 1942, Tổng lý Ngự tiền văn phòng Trần Văn Lý nhận thấy Châu bản không được bảo quản tốt nên xin thành lập Hội đồng kiểm kê do Ngô Đình Nhu làm chủ tọa và chuyển giao tất cả cho Viện Văn hóa. Năm đầu kháng chiến chống Pháp, Châu bản bị mất nhiều. Một phần Châu bản và các loại thư tịch của vương triều bị thất tán ra bên ngoài, bày bán tại các chợ ở Huế, lọt vào tay tư gia. Năm 1959, kho Châu bản các văn thư triều Nguyễn được chuyển từ Viện Văn hóa sang

Viện Đại học Huế. Tại đây, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam do GS. Trần Kinh Hòa làm Tổng thư ký được thành lập để kiểm tra lại kho tư liệu này và tổ chức nghiên cứu, xuất bản. Theo thống kê của Ủy ban, kho Châu bản lúc đó có 611 tập và nhiều tập rời. Trước năm 1975, kho Châu bản lại chuyển lên Đà Lạt rồi chuyển về Sài Gòn. Sau khi chiến tranh kết thúc, Cục Lưu trữ Nhà nước tiếp quản khối tư liệu này và do Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tại Thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Năm 1991, kho Châu bản được chuyển ra Thủ đô Hà Nội, do Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I thuộc Cục Lưu trữ Nhà nước, nay là Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, quản lý.

Lúc đó, nhiều tờ Châu bản chưa đóng thành tập, tình trạng hư hỏng rất đáng lo ngại, phần lớn bị mốc, kết dính, đóng bón thành cục (3). Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã xây dựng một chương trình cứu vãn Châu bản nhằm cứu di sản này khỏi nguy cơ bị hủy hoại và phục hồi, gia cố để bảo quản lâu dài, từng bước nghiên cứu, công bố và tổ chức khai thác. Đây là bản thống kê số lượng Châu bản năm 2012 của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (xem bảng 1).

773 tập gồm khoảng 85.000 văn bản. Ngoài ra còn khoảng hơn 3.000 tờ bị kết

Bảng 1: Thống kê số tập của kho Châu bản triều Nguyễn

STT	Triều đại	1959	1975	1991	2003	2012
1	Gia Long (1802-1819)	5	5	5	7	7
2	Minh Mệnh (1820-1840)	83	81	81	86	86
3	Thiệu Trị (1841-1847)	51	51	51	53	53
4	Tự Đức (1848-1883)	352	345	345	382	382
5	Kiến Phúc (1884)	1	1	1	1	1
6	Hàm Nghi (1884-1885)	0	0	0	1	1
7	Đông Khánh (1886-1888)	4	4	4	26	26
8	Thành Thái (1889-1907)	74	74	74	98	98
9	Duy Tân (1907-1916)	35	35	35	51	54
10	Khái Định (1916-1925)	4	4	4	10	10
11	Bảo Đại (1926-1945)	2	2	2	20	55
	Tổng cộng:	611	602	602	735	773

dinh chưa được xử lý. Số Châu bản đó trải dài suốt gần một thế kỷ rưỡi trị vì của triều Nguyễn, qua 11 đời vua Nguyễn từ Gia Long đến Bảo Đại. Theo sự ước tính của GS. Trần Kinh Hòa, số Châu bản còn đến nay chiếm khoảng chưa đến 1/5 khối lượng Châu bản triều Nguyễn (4).

Châu bản triều Nguyễn gồm nhiều thể loại văn thư từ chiếu, chỉ, dụ..., đến khải, biểu, tấu, trình... Trừ một số bản "phụng sao", phần lớn là nguyên bản, bản gốc với nguyên dấu "Ngự phê", "Ngự lãm" và ấn tín hoặc có dấu "Ngự phê" hoặc có ấn tín. Đây là một kho tàng tư liệu gốc rất quý giá, phản ánh trung thực tư tưởng chính trị cùng chủ trương, đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại của triều Nguyễn. Ngoài các văn bản từ nhà vua ban xuống, trong kho tàng Châu bản còn có loại tấu, khải, trình... do các cơ quan của triều đình, các địa phương tâu lên xin ý kiến nhà vua. Loại văn bản này phản ánh khá khách quan cả tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội đa dạng của đất nước từ tình trạng mùa màng, thủy lợi, công thương nghiệp, đời sống người dân, các cuộc bạo loạn,... đến những vụ khiếu kiện, những hiện tượng tham nhũng, việc chuyển chuyển, thăng giáng quan lại các cấp, những thay đổi trong bộ máy nhà nước và triều chính... Đây là một nguồn sử liệu gốc vô cùng quý giá phản ánh tổ chức và hoạt động của vương triều Nguyễn, tình hình mọi mặt của đất nước. Chính Quốc sử quán nhà Nguyễn đã khai thác nguồn tư liệu này để biên soạn các bộ chính sử của vương triều như *Đại Nam thực lục tiền biên* và *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, các bộ hội điển như *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Minh Mệnh chính yếu*. Đối chiếu một số tập của Châu bản so với các bộ thư tịch trên, tôi thấy các sử thần triều Nguyễn chỉ mới sử dụng một tỷ trọng

nhỏ những thông tin của Châu bản để biên soạn (5).

Châu bản còn chứa đựng nhiều thông tin quý để nghiên cứu các chữ "Châu phê" tức bút tích của các vua triều Nguyễn, chữ viết qua các giai đoạn phát triển thời Nguyễn, phần lớn là chữ Hán và cả chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ Pháp. Những đoạn Châu phê của Bảo Đại cho biết ông vua cuối cùng này của triều Nguyễn không phải chỉ thạo tiếng Pháp, chữ Quốc ngữ mà chữ Hán viết cũng khá đẹp. Trên Châu bản còn có dấu ấn của nhiều loại ấn chương của hoàng đế, hoàng tộc và các cơ quan chính quyền từ triều đình đến địa phương. Ngọc tỷ của hoàng đế có "Ngự tiền chi bảo" đóng vào dưới lời "Ngự phê", trên chữ "Khâm thủ", trên những chữ ngày, tháng, niên hiệu trong các chỉ dụ, chương sớ của nhà vua; "Quốc gia tín bảo" đóng vào dòng chữ ghi niên hiệu nhà vua; "Sắc mệnh chi bảo" đóng vào các loại sắc, chiếu; "Thủ tín thiên hạ văn vũ quyền hành" đóng vào chiếu văn, chỉ dụ; "Văn lý mật sát" là loại ấn kiểm đóng vào những chữ quan trọng, những chỗ sửa chữa, giáp phùng trong các dụ, chỉ... Tổ chức Tông nhân phủ, nội các, các bộ và các cơ quan của triều đình, hệ thống tổ chức quân đội, hệ thống tổ chức chính quyền các cấp đều để lại dấu tích các loại ấn tín trên Châu bản. Các loại ấn tín và cách sử dụng cũng có những thay đổi qua các triều vua. Đây là loại tư liệu trực tiếp rất phong phú để nghiên cứu ấn chương học thời Nguyễn (6). Châu bản viết trên loại giấy đặc biệt, loại giấy dó giành cho văn thư của triều đình. Qua các Châu bản có thể nghiên cứu về nghề làm giấy loại đặc biệt này về mặt chất liệu cũng như kỹ thuật và nghệ thuật làm giấy.

Châu bản là loại văn thư có dấu phê duyệt của hoàng đế và ấn tín các cơ quan nhà nước, thuộc loại độc bản, quý hiếm, văn

Bảng 2: Thống kê Châu bản đã công bố của Ủy ban Biên giới Quốc gia

Stt	Thời điểm	Bảo quản
1	27-6-MM11 (1830)	TT LT1: T 43-58
2	22-11-MM14 (1830)	TTLT1: T49-293/294
3	13-7-MM16 (1835)	TT LT1: T 54-94
4	13-7-MM16 (1835)	TTLT 1: T54-92
5	11-7-MM18 (1837)	TT LT1: T 57 - 210
6	13-7-MM18 (1837)	TT LT1: T 57- 244
7	13-7-MM18 (1837)	TTLT1: T 57-245
8	2-4 nhuận-MM19 (1838)	TTLT1: T 68-21
9	21-6-MM19 (1838)	TT LT1: T 68-215
10	19-7-MM19 (1838)	TT LT1: T 64 -146/147

Nguồn: <http://biengioilanhtho.gov.vn>

Bảng 3: Thống kê Châu bản đã sử dụng của Nguyễn Nhã

Stt	Thời điểm	Bảo quản
1	27-6-MM11(1830)	TT LT1: T 43-58
2	22-11-MM14 (1833)	TT LT1: T 49 - 293/294
3	15-4-MM15 (1834)	UB Biên giới QG
4	13-7-MM16 (1835)	TT LT1: T 54 - 94
5	13-7-MM16 (1835)	TT LT1: T 54 - 92
6	12-2-MM17 (1836)	TT LT1: T 55 - 336
7	11-7-MM18 (1837)	TT LT1: T 57 - 210
8	13-7-MM18 (1837)	TT LT1: T 57 - 244
9	2-4 nhuận-MM19 (1838)	TT LT1: T 68 - 21
10	21-6-MM19 (1838)	TT LT1: T 68 - 215
11	19-7-MM19(1838)	TT LT1: T 64 - 146-147
12	26-1-TT7 (1847)	TT LT1: T 41 - 42
13	28-12-TT7 (1847)	TT LT1: T 51 - 235

Nguồn: *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2013

bản gốc với tính xác thực cao và giá trị thông tin về nhiều mặt, phản ánh trung thực tình hình đối nội, đối ngoại của vương triều Nguyễn, trong đó có quan hệ giao lưu với nước ngoài. Do những giá trị xác thực đó và những ý nghĩa mang giá trị quốc tế, ngày 14 tháng 5 năm 2014 UNESCO đã công nhận Châu bản triều Nguyễn là Di sản Tư liệu thế giới, khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

II. Những Châu bản liên quan đến Hoàng Sa-Trường Sa

Từ mấy năm nay, nhiều nhà khoa học nghiên cứu về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã chú ý khai thác kho Châu bản triều Nguyễn.

Trên Website “Biên giới lãnh thổ” của Ủy ban Biên giới Quốc gia đã công bố và dịch, giới thiệu một số đơn vị Châu bản liên

quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Cho đến nay, thống kê có 10 đơn vị Châu bản đã được công bố, giới thiệu (xem bảng 2 và bảng 3).

Trong bảng trên và các bảng sau, những chữ viết tắt xin đọc như sau: MM = Minh Mệnh, TT = Thiệu Trị, TTLT1 = Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1; 27-6 MM11 (1830) = ngày 27 tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 11, năm 1830; TTLT1: T43-58 = Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1: Tập 43 (tới 58).

Trong công trình nghiên cứu *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa* của Hân Nguyễn Nguyễn Nhã, tác giả đã khai thác và sử dụng 13 tờ Châu bản. Trong Phụ lục 2 (tr. 179-202), tác giả giới thiệu bản

chụp màu 8 văn bản số 1, 2, 4, 7, 8, 9, 10, 11 (7).

Tuyển tập các Châu bản triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do Ủy ban Biên giới Quốc gia thuộc Bộ Ngoại Giao xuất bản năm 2013, giới thiệu 19 văn bản Châu bản (8). Trong số đó, văn bản 1 là bản tâu trình về việc chọn người sung vào Quốc sử quán và sự phê chuẩn của nhà vua, hoàn toàn không liên quan đến chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, còn lại 18 văn bản thống kê như bảng 4.

Trong số 18 văn bản trên có hai văn bản số 6 và 9 ghi xuất xứ là Ủy ban Biên giới Quốc gia, nhưng không có ký hiệu. Qua làm việc với Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, tôi

Bảng 4: Thống kê theo sách Tuyển tập Châu bản...

STT	Thời điểm	Bảo quản
1	27-6-MM11 (1830)	TTLT1: Q43-58
2	27-6-MM11 (1830)	TTLT1: Q43-61
3	27-6-MM11 (1830)	TTLT1: Q43-59
4	27-6-MM11 (1830)	TTLT1: Q43-60
5	22-11-MM14 (1833)	TTLT1: Q49-293-294
6	15-4-MM15 (1834)	UB Biên giới QG
7	13-7-MM16 (1835)	TTLT1: Q54-94
8	13-7-MM16 (1835)	TTLT1: Q54-92
9	12-2-MM17 (1836)	UB Biên giới QG
10	11-7-MM18 (1837)	TTLT1: Q57-210
11	13-7-MM18 (1837)	TTLT1: Q57-244
12	13-7-MM18 (1837)	TTLT1: Q57-245
13	2-4-nhuân-MM19 (1838)	TTLT1: Q68-21
14	6-4-nhuân-MM19 (1838)	TTLT1: Q68-40
15	21-6-MM19 (1838)	TTLT1: Q68-215
16	19-7-MM19 (1838)	TTLT1: Q64-146/147
17	26-1-TT7 (1847)	TTLT1: Q41-42
18	28-12-TT7 (1847)	TTLT1: Q51-235

Nguồn: *Tuyển tập các Châu bản triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2013

được biết văn bản số 6 tìm thấy ở đảo Lý Sơn và Trung tâm đã giám định, xác nhận đúng là tờ Châu bản với đầy đủ đặc trưng của loại văn thư này thời Nguyễn. Còn văn bản số 9 là bản sao chụp trắng đen, không phải bản chụp trực tiếp từ bản gốc vốn có màu và không có trong kho Châu bản của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. Trung tâm cho biết theo thông tin từ Ủy ban Biên giới Quốc gia thuộc Bộ Ngoại giao thì Châu bản này có hai văn bản: 1 bản chụp năm 2012 tại Thư viện Trường Đại học Hawaii, 1 bản chụp năm 2000 tại Thư viện Trường Đại học Havard. Những bản Microfilm về Châu bản lưu hành tại Mỹ đều xuất phát từ bản Microfilm do Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tặng Tổng thống Mỹ trước đây, từ đó được sao chụp chuyển cho một số trường đại học. Tôi sử dụng tờ Châu bản này theo bản chụp đen trắng của Ủy ban Biên giới Quốc gia thuộc Bộ Ngoại giao gửi cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (9).

Ngoài 18 văn bản trên, gần đây nhà sử học Phan Thuận An ở Huế đem một tờ Châu bản ngày 15 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 13 (15-2-1939) do gia đình lưu giữ trao

tặng Bộ Ngoại giao. Như vậy cho đến nay, chúng ta biết cả thấy 19 đơn vị Châu bản triều Nguyễn liên quan đến chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã được phát hiện và công bố (xem bảng 5).

Trong số 19 đơn vị Châu bản liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa, tôi chỉ nghiên cứu 18 văn bản thời Nguyễn trước thời Pháp thuộc, khi triều Nguyễn là một quốc gia độc lập tiêu biểu chủ

quyền quốc gia. 18 văn bản này gồm 16 văn bản thời vua Minh Mệnh (các năm 1830; 1833, 1834, 1835, 1836, 1837, 1838) và 2 văn bản thời vua Thiệu Trị (năm 1847), trong khoảng thời gian từ năm 1830 đến 1847 (10). Hai tờ Châu bản thời Thiệu Trị cho biết từ năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) đã hoãn việc phái thuyền ra Hoàng Sa, chờ năm sau phúc trình lại. Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), Bộ Công tâu vì việc công quá bề bộn, xin dừng lại, đợi năm sau phúc trình lại (*Châu bản 17, 18*). Sau đó, chưa tìm thấy Châu bản tiếp theo. Vì vậy, tôi sử dụng cả 18 tờ Châu bản, nhưng tập trung khảo cứu 16 tờ Châu bản thời Minh Mệnh.

Về mặt văn bản học, trong số 18 tờ Châu bản trên, có 2 bản "phụng sao" có dấu ấn nhưng lời "Châu phê" viết lại bằng mực đen (Châu bản 1, 3), 3 tờ chỉ có "Châu phê" (Châu bản 9, 17, 18), 4 tờ chỉ có "Châu điểm" (Châu bản 12, 13, 14, 15), 3 tờ có "Châu phê" + "Châu điểm" (Châu bản 1, 3, 11), 3 tờ có "Châu phê" hay "Châu điểm" + dấu (Châu bản 5, 7, 10), 3 tờ chỉ có dấu (Châu bản 6, 8, 16). Hai bản sao thuộc loại

Bảng 5: Thống kê và tóm lược nội dung các tờ Châu bản về Hoàng Sa-Trường Sa

Stt	Thời điểm	Xuất xứ	Bảo quản	Nội dung chủ yếu	Chú thích
1	27-6-MM11 (1830)	Thủ ngự Đà Nẵng tàu	TTLT1 T43-58	Thuyền buôn Pháp qua HS bị mắc cạn. Cho thuyền cứu hộ	
2	27-6-MM11 (1830)	Thủ ngự Đà Nẵng tàu	TT LT1 T43-61	Thuyền buôn Pháp qua HS bị mắc cạn. Cho thuyền cứu hộ	
3	27-6-MM11 (1830)	Thủ ngự Đà Nẵng tàu	TT LT1 T43-59	Thuyền buôn Pháp qua HS bị mắc cạn. Cho thuyền cứu hộ	
4	27-6-MM11 (1830)	Thủ ngự Đà Nẵng tàu	TT LT1 T43-60	Thuyền buôn Pháp qua HS bị mắc cạn. Cho thuyền cứu hộ	
5	22-11-MM14 (1833)	Nội các tàu	TT LT1 T49-293, 294	Khảo sát HS về, được khen thưởng. Phái viên khai thừa 1 người, miễn tội	Còn 2 nội dung khác
6	15-4-MM15 (1834)	Bố chính, án sát Quảng Ngãi tàu	UB Biên giới QG	Thuê ba thuyền, chọn dân phu, thủy thủ cùng đi khảo sát HS	Tìm thấy ở Lý Sơn
7	13-7-MM16 (1835)	Nội các tàu	TT LT1 T54-94	Đi HS trở về quá hạn, xét thưởng phạt	Còn 2 nội dung khác
8	13-7-MM16 (1835)	Nội các truyền dụ	TT LT1 T54-92	Đi HS trở về quá hạn, truyền dụ thưởng phạt	
9	12-2-MM17 (1836)	Bộ Công phúc trình	UB Biên giới QG	Thuyền đi HS cấm cộc gỗ làm mốc giới	Bộ Ngoại giao
10	11-7-MM18 (1837)	Bộ Hộ tàu	TT Ltnn1 T57-210	Quảng Ngãi xin chi tiền gạo thuê cho dân phu đi HS	Còn 3 nội dung khác
11	13-7-MM18 (1837)	Bộ Công tàu	TT Ltnn1 T57-244	Đi HS trở về quá hạn, xét thưởng phạt	
12	13-7-MM18 (1837)	Nội các truyền dụ	TT LT1 T57-245	Đi HS trở về quá hạn, truyền dụ thưởng phạt	
13	2-4 nhuận-MM19 (1838)	Bộ Công tàu	TT LT1 T68-21	Thời hạn khảo sát HS, đi và về Bình Định, Quảng Ngãi chuẩn bị chọn người đi HS. Gió chưa thuận	
14	6-4nhuận-MM19 (1838)	Bộ Công tàu	TT LT1 T68-40	Quảng Ngãi tàu 4 thuyền đã ra khơi	
15	21-6-MM19 (1838)	Bộ Công tàu	TT LT1 T68-215	Kết quả khảo sát HS : 25 đảo, 4 bán đảo, nhất kỷ, thu sản vật	
16	19-7-MM19 (1838)	Bố chính Quảng Ngãi tàu	TT LT1 Q64-146/147	Miễn thuế năm cho 2 thuyền lớn thuê đi khảo sát HS	
17	26-1-TT7 (1847)	Bộ Công tàu	TT Ltnn1 T41-42	Xin phúc tàu năm nay có đi HS không? Châu phê: Đình	
18	28-12-TT7 (1847)	Bộ Công tàu	TT Ltnn1 T51-235	Xin dừng khảo sát HS, năm sau phúc trình lại. Châu phê: Đình	
19	15-12-BĐ13 (3-2-1939)	Ngự tiền Văn phòng tàu	Bộ Ngoại giao	Xin thưởng cho Louis Fontain là Chánh đội lính Khố xanh bị nhiệm bệnh ở HS và chết ở Huế	Do Ông Phan Thuận An tặng

Nguồn: Phan Huy Lê, tổng hợp các nguồn tư liệu

“phụng sao” tuy không phải bản gốc nhưng có dấu ấn nên vẫn có giá trị về mặt văn bản. Đây đều là những tiêu chí xác nhận giá trị văn bản của Châu bản triều Nguyễn.

Trong khi nghiên cứu những văn bản này, tôi kết hợp với những tư liệu tương ứng và liên quan trong các nguồn tư liệu khác của nhà Nguyễn, quan trọng nhất là

Đại Nam thực lục, Tiền biên và Chính biên, Đại Nam liệt truyện, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ và Đại Nam nhất thống chí.

1. Nhận thức của nhà Nguyễn về vị trí trọng yếu của Hoàng Sa-Trường Sa

Vương triều Nguyễn vừa mới thành lập năm 1802 thì năm sau, năm 1803 vua Gia Long đã cho lập lại đội Hoàng Sa và năm 1815 sai Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra thăm dò đường biển. Năm sau, năm 1816 lại sai thủy quân cùng đội Hoàng Sa ra khảo sát quần đảo này (11). Điều đó chứng tỏ vua Gia Long và triều Nguyễn đã sớm nhận thấy tầm quan trọng của hai quần đảo này và tiếp nhận sứ mạng quản lý của nhà nước.

Các vua Nguyễn và triều Nguyễn nhận thức rõ “xứ Hoàng Sa là cương giới trên biển của nước ta” 本國海疆之黃沙處: Bản quốc hải cương chi Hoàng Sa xứ (Châu bản 18). Năm 1836, Bộ Công đã tâu rằng: “Cương giới trên biển của nước ta, xứ Hoàng Sa là tối hiểm yếu” 本國海疆黃沙處最是險要: Bản quốc hải cương Hoàng Sa xứ tối thị hiểm yếu (12). Vị trí tối hiểm yếu này không phải chỉ xét về một số lợi ích khai thác như các loại sản vật, một số đồ vật để lại của các tàu thuyền bị đắm, mà trước hết vì địa thế hiểm yếu, vì vai trò cương giới và phòng vệ trên mặt biển của đất nước. Đây là hai quần đảo gồm nhiều đảo, bãi cát và bãi đá ngầm rất hiểm trở mà từ thế kỷ XVII, đã nhận thấy “khi gió tây nam thổi thì tàu thuyền các nước đi bên trong (tức phía tây của đảo - Tg) bị trôi dạt tại đây, khi gió đông bắc thổi thì tàu thuyền đi bên ngoài (tức phía đông của đảo - Tg) cũng bị trôi dạt tại đây, đều bị chết đói, của cải đều bỏ lại đó” (13). Đây là *hai quần đảo mang hình thái địa hình ám tiêu san hô vùng nhiệt đới, gồm đảo nổi, thêm san hô bao quanh và sườn bờ ngầm dốc*

đứng rất hiểm yếu, giữ vai trò làm cương giới trên biển và bảo vệ cả mặt đông của đất nước.

Trước đây, thời các chúa Nguyễn đã xác lập một nhận thức chung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Từ thế kỷ XVII, *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, bản A.2499 chép: “Giữa biển có dải cát dài gọi là *Bãi Cát Vàng*, dài khoảng 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng sừng sững giữa biển”, *Thiên Nam lộ đồ*, bản A.1081 chép: “Giữa biển có dải cát dài gọi là *Bãi Cát Vàng*, khoảng từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Huỳnh, ước dài năm, sáu trăm dặm, rộng ba, bốn mươi dặm, đứng sừng sững giữa biển” (14). Trong chính sử triều Nguyễn, bộ *Đại Nam thực lục tiền biên*, năm 1754 đã xác nhận: “Đội Hoàng Sa ở Quảng Nam đi thuyền ra đảo Hoàng Sa... ở ngoài biển, về xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, [phủ] Quảng Ngãi có hơn 300 bãi cát cách nhau hoặc đi 1 ngày đường hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy nghìn dặm, tục gọi là *Vạn Lý Trường Sa*” (15). Trước đó, từ đầu thế kỷ XVIII, bộ sử này đã chép: chúa Nguyễn sai Tổng binh trấn Hà Tiên Mạc Cửu “do *bãi cát biển Trường Sa* (長沙海渚?: Trường Sa hải chử) dài ngắn, rộng hẹp bao nhiêu” (16). Cuối thế kỷ XVIII, trong *Phủ biên tạp lục* do Lê Quý Đôn biên soạn với Lời tựa năm 1776, tổng hợp những tư liệu trong sử sách kết hợp với những hiểu biết tích lũy trong thời gian làm Hiệp trấn Thuận Hóa, viết rõ: “Phủ Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn có xã An Vĩnh ở gần biển, ngoài biển về phía đông bắc có nhiều đảo, các núi linh tinh hơn 130 ngọn, cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày hoặc vài canh thì đến. Trên núi có suối nước ngọt. Trong đảo có *bãi Hoàng Sa* (黃沙渚?: Hoàng Sa chử) dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy” (17). Tác giả cho biết vùng đảo này gọi là *Hoàng Sa, Đại Trường Sa, Vạn Lý*

Trường Sa và hoạt động của đội Hoàng Sa kiêm quản cả đội Bắc Hải.

Như vậy là cho đến cuối thế kỷ XVIII, tổ tiên ta đã đạt đến một nhận thức rõ ràng, gọi vùng hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa ngày nay là “Bãi Cát Vàng” hay “Hoàng Sa”, “Đại Trường Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” gồm hàng trăm hòn đảo và bãi cát, ước tính có khi viết 130 đảo, có khi viết 300 bãi cát mà đi thuyền từ đảo này đến đảo kia có khi mất một ngày hay vài canh. Phạm vi cùng ước tính dài khoảng 400 dặm, rộng 20 dặm hay dài năm, sáu trăm dặm, rộng ba, bốn mươi dặm hay kéo dài không biết mấy nghìn dặm. Cũng có khi viết *Bãi cát biển Trường Sa* (Trường Sa hải chủ), *Bãi Hoàng Sa* (Hoàng Sa chủ) hình như để chỉ riêng Hoàng Sa và Trường Sa cùng một số đảo của hai quần đảo này. Nói chung nhận thức thời đó dựa trên sự quan sát, nặng về ước tính, chưa đo đạc, tính toán cụ thể.

Sang thời Nguyễn, qua các hoạt động điều tra khảo sát và đo đạc, vẽ bản đồ thực hiện trong thời Gia Long, Minh Mệnh, *nhận thức của nhà Nguyễn được nâng lên một trình độ mới về vị thế chiến lược cũng như hiểu biết cụ thể về toàn vùng và một số đảo cụ thể.*

2. Tổ chức quản lý và thực thi chủ quyền

Thời chúa Nguyễn, lập đội Hoàng Sa kiêm quản cả đội Bắc Hải, để quản lý và khai thác Hoàng Sa-Trường Sa. Đội Hoàng Sa lấy người từ xã An Vĩnh huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi nên về mặt quản lý nhà nước cũng theo hệ thống tổ chức chính quyền chúa Nguyễn từ xã An Vĩnh, qua huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi lên đến thủ phủ chúa Nguyễn. Sang thời triều Nguyễn, tổ chức quản lý và lực lượng thực thi chủ quyền được nâng cao và tổ chức lại chặt chẽ, qui mô hơn.

Năm 1833 vua Minh Mệnh bảo Bộ Công rằng: “Một dải Hoàng Sa thuộc hải phận

Quảng Ngãi” (18) và nơi xuất phát thuận tiện nhất cho các thuyền ra khảo sát Hoàng Sa là cửa biển Sa Kỳ và cù lao Lý Sơn quen gọi cù lao Ré, cũng thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy việc tổ chức lực lượng chuẩn bị khảo sát Hoàng Sa được giao cho tỉnh Quảng Ngãi với sự tham gia của một số tỉnh lân cận, nhất là tỉnh Bình Định. Tuy nhiên công việc điều hành do triều đình trực tiếp nắm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của nhà vua. Nhà Nguyễn điều động một bộ phận quân đội tham gia, chủ yếu là thủy binh và một số thợ chuyên trách việc thăm dò hải trình, đo đạc vẽ bản đồ của vệ Giám thành tại Kinh đô Huế. Tham gia vào việc quản lý vì thế có Bộ Công, Bộ Binh, Bộ Hộ và Nội các, tất cả đặt dưới sự phê chuẩn, quyết định của nhà vua. Trong 18 đơn vị Châu bản liên quan đến Hoàng Sa có: 4 tờ tâu của Nội các, 7 tờ tâu của Bộ Công, 1 tờ tâu của Bộ Hộ, 2 tờ tâu của Quảng Ngãi và 4 tờ tâu của Thụ ngự Đà Nẵng. Qua các tờ Châu bản, thấy rõ mọi tổ chức và hoạt động liên quan đến Hoàng Sa-Trường Sa đều phải tâu trình lên nhà vua và do nhà vua quyết định, phê chuẩn, từ việc điều thủy quân, thợ của vệ Giám thành đến việc thuê dân phu, thời hạn đi và về của thuyền ra khảo sát, rồi việc đo đạc, vẽ bản đồ, ghi nhật ký, cắm mốc chủ quyền, cho đến việc thưởng phạt sau mỗi chuyến đi, tiền thuê dân phu, trả tiền thuê thuyền tư nhân, miễn tiền thuế..., tất cả việc lớn nhỏ đều phải tâu trình lên nhà vua. Đến thời Nguyễn, nhất là thời vua Minh Mệnh, *việc quản lý và thực thi chủ quyền trên Biển Đông được nâng lên cấp quốc gia do hoàng đế trực tiếp chỉ đạo và điều hành thông qua bộ máy triều đình và chính quyền những tỉnh liên quan. Có thể nói công việc quản lý và thực thi chủ quyền đã được nhà Nguyễn nâng lên cấp quốc gia ở trình độ cao nhất là do nhà vua trực tiếp chỉ đạo và quyết định.*

(Còn nữa)

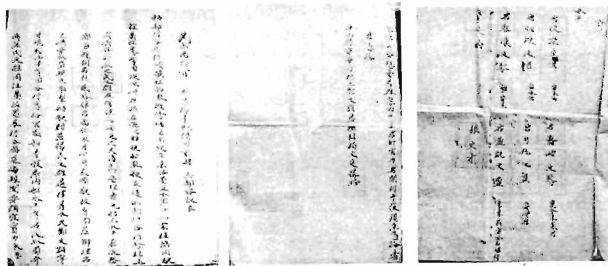
Một số châu bản chính được sử dụng trong bài viết

Châu bản 1 (2 tờ)



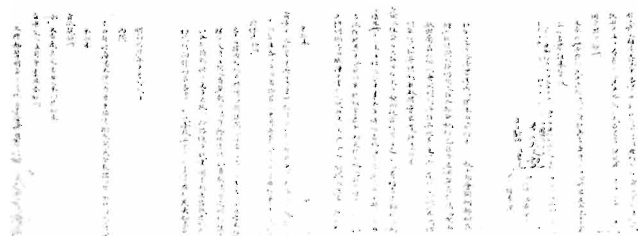
Nguồn: Tổng cục Lưu trữ Quốc gia I

Châu bản 6 (3 tờ)



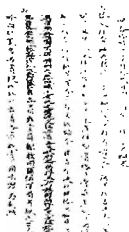
Nguồn: Ủy ban Bảo tồn Quốc gia

Châu bản 7 (4 tờ)



Nguồn: Tổng cục Lưu trữ Quốc gia I

Châu bản 8 (2 tờ)



Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I



Châu bản 9

(1 tờ nền trắng-đen và đen-trắng, hai đoạn châu phê bị mờ)



Nguồn: Ủy ban Biên giới Quốc gia

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Nam thực lục*, T. 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 928. Từ đây viết tắt DNTL.

(2). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1973, T.2, tr. 61. Từ đây viết tắt KDDNHDLSL

(3). Biên bản bàn giao ngày 12 tháng 11 năm 1991 (căn cứ Quyết định số 2680/KG ngày 17-8-1991 của Hội đồng Bộ trưởng và Quyết định số 97/CLT ngày 02-11-1991 của Cục Lưu trữ Nhà nước) toàn bộ Châu bản được chuyển từ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) II tại Thành phố Hồ Chí Minh ra TTLTQG I tại Hà Nội, biên bản bàn giao gồm 602 tập thống kê cũ, 137 tập rời mới đóng, 17 tập châu bản triều Bảo Đại (tiếng Việt), 4 bó tài liệu rời lẻ, 15 tập châu bản kết dính.

(4). Trần Kinh Hòa, *Giới thiệu về Châu bản triều Nguyễn*, trong *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, T.1, Viện Đại học Huế, 1960, tr. 9.

(5). Phan Huy Lê, *Châu bản triều Nguyễn và Châu bản năm Minh Mệnh 6-7 (1825-1826)*, trong *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, T. II, tr. XXIX-XLVI; *Tìm về cội nguồn*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2011, tr. 251-297.

(6). Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước-TTLTQG I, *Ấn chương trên châu bản triều Nguyễn*, Nxb Hà Nội, 2013

(7). Hàn Nguyên Nguyên Nhã, *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2013, tr. 14-29 Tác giả sử dụng theo website: <http://biengioianhtho.gov.vn> của Ủy ban Biên giới Quốc gia Từ 12 ghi nhầm ngày 26-1 thành 20-1, tôi đính chính.

(8). Ủy ban Biên giới Quốc gia, *Tuyển tập các Châu bản triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2013 Trong bản trên, ghi xuất xứ ở TTLTQG I là Q tức quyền. Nhưng thực ra ký hiệu của cơ quan lưu trữ này gọi là Tập chứ không phải Quyền.

(9). Khi nghiên cứu Châu bản triều Nguyễn và viết bài khảo cứu này, tôi đã nhận được sự công tác và hỗ trợ nhiệt tình của TTLTQG I. Xin chân thành cảm ơn.

(10). Trong bài viết này, khi trích dẫn tôi ghi Châu bản và số văn bản theo bảng 5, ví dụ: *Châu bản 7* hay *Châu bản, văn bản 7*. Tôi tham khảo các bản dịch đã công bố, nhưng khi sử dụng và trích dẫn, đều đối chiếu với nguyên bản và chỉnh sửa theo nhận thức của tôi

(11). (15). (16). DNTL, sdd, T. 1, tr. 898,922; 164; 172.

(12). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Q. 221-26a.

(13). *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.2499-43b.

(14). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Một số tư liệu Hán Nôm về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 380, 386.

(17). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 119. Dịch giả dịch "hoàng sa chữ" là "bãi cát vàng" theo nghĩa danh từ chung. Theo tôi đây là tên riêng, nên dịch là "bãi Hoàng Sa" chỉ đảo lớn nhất trong quần đảo Hoàng Sa.

(18). DNTL, sdd, T. 3, tr. 743.